

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÔ LƯƠNG
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2018/DS-ST
Ngày 02 - 10 -2018
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔ LƯƠNG – TỈNH NGHỆ AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Thị Hồng Thê

Các Hội thẩm nhân dân: ông Hoàng Văn Hào và ông Nguyễn Văn Đương

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Kỳ

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đô lương tham gia phiên tòa:
Ông Bùi Nguyên Nam - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 28 /TLST-DS ngày 04 tháng 7 năm 2018 về tranh chấp *hợp đồng hợp đồng vay tài sản (Hợp đồng tín dụng)* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55/2018/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 9 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 26/2018/QĐST-DS ngày 24 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Quỹ tín dụng nhân dân xã BS

Địa chỉ: xóm XS, xã BS, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Văn T – sinh năm 1958 – Chủ tịch Hội đồng quản trị Quỹ tín dụng nhân dân xã BS

Nơi cư trú: xóm LS, xã BS, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An.

Có mặt.

- Bị đơn: bà Nguyễn Thị P - sinh năm 1966 – có mặt.

Nơi cư trú: Xóm MS, xã BS, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Phùng Xuân C – sinh năm 1966 – có mặt.

Nơi cư trú: Xóm MS, xã BS, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 15/6/2018, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn ông Hoàng Văn Tâm trình bày:

Ngày 04/3/2016, bà Nguyễn Thị P có ký hợp đồng tín dụng số 0176/HĐTD với Quỹ tín dụng nhân dân xã BS theo Giấy đề nghị vay vốn của vợ chồng bà P – ông C. Theo đó, bà P và ông C đã vay Quỹ tín dụng số tiền 300.000.000 đồng để vay tiêu dùng (mua đất ở), thời hạn vay là 24 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, lãi suất 1,1%/tháng và mức lãi suất có thể thay đổi tùy theo biến động thị trường tại từng thời điểm do ngân hàng nhà nước quy định. Để đảm bảo khoản vay, bà P ông C đã thế chấp thửa đất số 1002, tờ bản đồ số 17, diện tích 232,9 m² tại xóm 14, xã Thịnh Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An, do UBND huyện Đô Lương cấp ngày 06/8/2013 mang tên vợ chồng ông C bà P. Từ thời điểm vay cho đến nay, bà P và ông C chưa trả cho Quỹ tín dụng xã BS khoản tiền gốc nào mà chỉ thanh toán tiền lãi suất phát sinh theo hợp đồng vay đến ngày 01/6/2017 với số tiền là 48.070.000 đồng. Nay đã quá hạn trả nợ theo hợp đồng, Quỹ tín dụng nhân dân xã BS yêu cầu bà Nguyễn Thị P và ông Phùng Xuân C trả cho Quỹ tín dụng nhân dân xã BS số tiền gốc là 300.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày 02/6/2016 đến ngày 02/10/2018 là 65.395.000 đồng và tiền lãi phát sinh sau ngày 02/10/2018 theo hợp đồng và yêu cầu Tòa án buộc ông C bà P phải giao tài sản thế chấp để Quỹ đề nghị cơ quan có thẩm quyền bán thu hồi nợ. Trường hợp giá trị tài sản thế chấp bán mà chưa đủ thanh toán nợ thì yêu cầu ông C bà P phải tiếp tục trả cho Quỹ tín dụng cho đến khi hết khoản nợ trong hợp đồng. Quỹ tín dụng không đồng ý miễn tiền lãi cho ông C bà P và cũng không đồng ý với phương án trả tiền nợ gốc mỗi tháng 7.000.000 đồng như đề xuất của bà P.

Ông T yêu cầu Tòa án giải quyết tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ theo quy định của pháp luật.

Lời khai trong quá trình chuẩn bị xét xử cũng như tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị P và ông Phùng Xuân C trình bày: căn cứ vào nhu cầu của gia đình vợ chồng ông bà đã làm Giấy đề nghị vay vốn tại Quỹ tín dụng nhân dân xã BS. Vào ngày 04/3/2016, bà P đã ký hợp đồng tín dụng số 0176/HĐTD với Quỹ tín dụng nhân dân xã BS để vay số tiền 300.000.000 đồng. Ông bà đã trả được tiền lãi cho đến ngày 01/6/2017, còn khoản tiền gốc và tiền lãi phát sinh sau ngày 01/6/2017 chưa thanh toán được. Lúc mất khả năng trả nợ, ông bà cũng đã trực tiếp đề nghị Quỹ tín dụng bán đất để thu hồi nợ nhưng phải tương đương với giá trị khi thẩm định cho vay là 450.000.000 đồng nhưng Quỹ không đồng ý.

Nay, Quỹ tín dụng nhân dân xã BS yêu cầu ông bà trả số tiền gốc 300.000.000 đồng; tiền lãi phát sinh từ ngày 02/6/2017 đến ngày 02/10/2018 là 65.395.000 đồng và tiền lãi phát sinh sau ngày 02/10/2018 theo hợp đồng thì ông bà thừa nhận số nợ gốc + nợ lãi nhưng đề nghị Quỹ tín dụng miễn khoản tiền lãi vì hiện nay ông bà không thể trả được và ông bà chỉ chấp nhận một trong hai phương án như sau:

Hoặc ông bà giao thừa đất thế chấp số 1002, tờ bản đồ số 17, diện tích 232,9 m² tại xóm 14, xã Thịnh Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An, do UBND huyện Đô Lương cấp ngày 06/8/2013 mang tên Phùng Xuân C – Nguyễn Thị P cho Quỹ tín dụng để Quỹ bán thu hồi nợ 300.000.000 đồng tiền gốc. Thửa đất này tại thời điểm thế chấp đã được định giá là 450.000.000 đồng nên giao đất xong thì ông bà cũng thực hiện xong nghĩa vụ với Quỹ tín dụng. Sau khi bán đất, thừa bao nhiêu tiền thì Quỹ tín dụng phải trả lại cho vợ chồng ông bà còn nếu thiếu thì ông bà cũng không nhất trí trả thêm mà Quỹ tín dụng phải tự gánh chịu lấy rủi ro thất thoát.

Hoặc Quỹ tín dụng không nhận tài sản thế chấp mà để ông bà giữ lại và mỗi tháng ông bà trả cho Quỹ 7.000.000 đồng tiền gốc cho đến khi trả hết nợ gốc.

Ông bà cũng yêu cầu Quỹ tín dụng nhân dân xã BS phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và án phí.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đô Lương phát biểu ý kiến theo quy định tại điều 262 Bộ luật tố tụng dân sự như sau:

- Về tố tụng: Thẩm phán đã tuân thủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong việc thụ lý vụ án, thông báo thụ lý vụ án, xác định quan hệ tranh chấp, xác minh và thu thập chứng cứ, tổ chức hòa giải cũng như thời hạn giải quyết vụ án.

Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định về thành phần, nguyên tắc xét xử, trình tự tố tụng tại phiên tòa.

Thư ký Tòa án thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Các đương sự đã chấp hành nghiêm chỉnh quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: sau khi phân tích các tình tiết của vụ án và các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Căn cứ vào Điều 95, điểm a khoản 3 Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 17, Điều 24, Điều 25 của Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng (Ban hành theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001) của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; Điều 290; Điều 336; Điều 338; Điều 355; Điều 471, Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 26 Nghị quyết 326/2019/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội; Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006; Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012 của Chính phủ; để tuyên buộc ông C, bà P trả số nợ cho nguyên đơn gồm nợ gốc 300 triệu đồng, nợ lãi từ ngày 02/6/2017 đến ngày 02/10/2018 là 65.395.000 đồng; nợ lãi phát sinh sau ngày 02/10/2018 đồng thời giao tài sản thế chấp là thửa đất số 1002, tờ bản đồ số 17, diện tích 232,9 m² tại xóm 14, xã Thịnh Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An cho Quỹ tín dụng bán thu hồi nợ; ông C và bà P phải chịu án phí và hoàn lại chi phí xem xét thẩm định tại chỗ cho nguyên đơn; trả lại án phí cho nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Trên cơ sở lời thừa nhận của các đương sự, Hợp đồng tín dụng số 0176/HĐTD ngày 04/3/2016 ký kết giữa Quỹ tín dụng nhân dân xã BS (trong bản án này được viết tắt là Quỹ), Giấy nhận nợ ngày 04/3/2016, Giấy đề nghị vay vốn, Giấy chứng nhận mua đất thì đủ cơ sở để xác định: giữa bà Nguyễn Thị P và Quỹ có phát sinh giao dịch vay số tiền gốc 300.000.000 đồng; lãi suất trong hạn 1,1%/tháng; lãi suất nợ quá hạn là 150% lãi suất trong hạn; lãi suất điều chỉnh theo thị trường từng thời kỳ phù hợp với quy định của Ngân hàng nhà nước; thời hạn vay 24 tháng kể từ ngày 04/3/2016 (đến hạn là ngày 04/3/2018), mục đích vay vốn là Mua đất ở. Vào ngày 04/3/2016, bà P đã nhận được tiền giải ngân của Quỹ.

Do vậy, căn cứ vào quy định của điểm a khoản 3 Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 17 Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng (Ban hành theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001) của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thì giao dịch giữa Quỹ và bà Nguyễn Thị P là hợp pháp, theo đó, Quỹ là bên cho vay (cấp tín dụng) và bà P là bên vay (khách hàng vay vốn) và mọi quyền lợi, nghĩa vụ phát sinh giữa các bên được thực hiện theo Điều 24, 25 của Quy chế.

Để đảm bảo khoản vay, bà P và ông C đã thế chấp thửa đất số 1002, tờ bản đồ số 17, diện tích 232,9 m² tại xóm 14, xã Thịnh Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An, do UBND huyện Đô Lương cấp ngày 06/8/2013 mang tên vợ chồng ông bà tại xóm 14, xã Thịnh Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An cho Quỹ. Các bên đã ký Hợp đồng thế chấp số 176/HĐTC ngày 04/3/2016 đồng thời được chấp nhận đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Đô Lương ngày 10/3/2016 là đảm bảo quy định tại Điều 323 Bộ luật dân sự năm 2005 và Điều 12 Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ.

Căn cứ vào mục đích và sử dụng vốn là tiêu dùng (mua đất ở) theo đề nghị của ông C và bà P nên theo quy định của Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình thì khoản tiền vay tín dụng của bà P là nghĩa vụ tài sản chung vợ chồng của ông Phùng Xuân C và bà Nguyễn Thị P. Vì vậy, mọi quyền lợi, nghĩa vụ phát sinh liên quan đến khoản vay trên thuộc về quyền và nghĩa vụ chung của vợ chồng ông C bà P.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bà P, ông C trả tiền gốc 300.000.000 đồng, tiền lãi tính từ ngày 02/6/2017 đến 02/10/2018 là 65.395.000 đồng và tiền lãi phát sinh sau ngày 02/10/2018 theo Hợp đồng tín dụng đồng thời xử lý tài sản thế chấp thu hồi nợ.

Các đương sự thừa nhận, quá trình thực hiện hợp đồng, bị đơn chưa trả tiền gốc còn tiền lãi đã trả đến ngày 01/6/2017 là 48.070.000 đồng. Số tiền lãi chưa trả tính đến ngày xét xử sơ thẩm (02/10/2018) là 65.395.000 đồng.

Đến hạn ngày 04/3/2018, ông C và bà P không trả được nợ gốc 300.000.000 đồng theo thỏa thuận, Quỹ cũng không thực hiện việc cơ cấu lại

thời hạn trả nợ nên số dư nợ gốc 300.000.000 đồng của bà P – ông C chuyển thành nợ quá hạn theo quy định tại khoản 4 Điều 1 Quyết định số 127/2005/QĐ-NHNN ngày 03/02/2015 của Thống đốc Ngân hàng nhà nước Việt Nam. Do vậy, Quỹ có quyền thực hiện các biện pháp để thu hồi nợ theo quy luật định, trong đó bao gồm cả quyền khởi kiện ra Tòa án để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp bị xâm phạm.

Bà P, ông C thừa nhận nghĩa vụ trả nợ nhưng đề nghị Quỹ cho miễn thực hiện nghĩa vụ trả nợ lãi Đại diện của nguyên đơn không đồng ý. Do vậy, căn cứ vào Điều 7 Hợp đồng tín dụng thì ông C bà P phải trả số tiền gốc và toàn bộ số tiền lãi phát sinh từ tiền gốc theo thỏa thuận.

Ngoài ra, bị đơn đề nghị hoặc Quỹ nhận tài sản thế chấp tự bán để thay thế toàn bộ nghĩa vụ trả nợ gốc + nợ lãi (có nghĩa giao tài sản thế chấp cho nguyên đơn thì bị đơn hết nghĩa vụ) hoặc Quỹ không nhận tài sản thế chấp mà để bị đơn giữ lại sử dụng đồng thời bị đơn cam kết trả nợ cho Quỹ mỗi tháng 7.000.000 đồng cho đến khi hết số nợ gốc. Đại diện của nguyên đơn không chấp thuận.

Hội đồng xét xử thấy: căn cứ vào Hợp đồng thế chấp tài sản số 176/HĐTC ngày 04/3/2018 không có bất kỳ điều khoản nào thỏa thuận về việc bên có quyền nhận tài sản đảm bảo để thay thế việc thực hiện nghĩa vụ; quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, các đương sự cũng không đạt được sự thỏa thuận nào liên quan đến việc nhận tài sản đảm bảo thay thế nghĩa vụ trả nợ. Ngoài ra, tại khoản 1 Điều 4 Hợp đồng thế chấp tài sản có thỏa thuận phương thức xử lý tài sản thế chấp khi vi phạm nghĩa vụ trả nợ là bên có quyền được yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp bán thu hồi nợ và thỏa thuận này không trái pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Cũng theo quy định tại Điều 336, 338 và 355 Bộ luật dân sự năm 2005, sau khi xử lý tài sản thế chấp, nếu tiền bán còn thừa thì bên thế nhận chấp (tức Quỹ) phải trả lại cho bên thế chấp (tức ông C bà P), nếu tiền bán còn thiếu thì bên thế chấp phải trả tiếp phần còn thiếu đó. Vì vậy, việc ông C, bà P không đồng ý tiếp tục trả tiền nợ còn thiếu (trong trường hợp bán tài sản thế chấp không đủ trả gốc và lãi) hay giữ lại tài sản thế chấp để sử dụng mà không được sự đồng thuận của Quỹ là làm thiệt hại đến quyền lợi của Quỹ và không phù hợp quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không chấp nhận quan điểm này của ông C, bà P.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử thấy: căn cứ vào Điều 95 Luật tổ chức tín dụng, Điều 290, Điều 471, Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005 thì yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ và được chấp nhận nên cần buộc bà P và ông C phải trả số tiền gốc 300.000.000 đồng và toàn bộ số tiền lãi phát sinh từ tiền gốc theo thỏa thuận gồm: tiền lãi phát sinh đến ngày 02/10/2018 là 65.395.000 đồng, tiền lãi phát sinh sau ngày 02/10/2018 theo Hợp đồng tín dụng. Đồng thời, ông C, bà P phải giao tài sản thế chấp là quyền sử dụng thửa đất số 1002, tờ bản đồ số 17, diện tích 232,9 m² tại xóm 14 xã Thịnh Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ

An cho Quỹ tín dụng nhân dân xã BS để Quỹ đề nghị cơ quan có thẩm quyền bán thu hồi nợ.

[2.2.3]. Về tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ:

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có căn cứ và được chấp nhận nên bị đơn phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ theo quy định tại khoản 1 Điều 57 Bộ luật tố tụng dân sự. Tổng chi phí phục vụ hoạt động xem xét thẩm định tại chỗ là 2.000.000 đồng đã được nguyên đơn nộp nên cần buộc ông C và bà P phải hoàn trả 2.000.000 đồng cho nguyên đơn theo quy định tại Điều 58 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về án phí: do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên ông C và bà P phải chịu 18.269.750 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho Quỹ tín dụng nhân dân xã BS số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 26, Điều 35, Điều 39, Khoản 1 Điều 147; Khoản 1 Điều 157; Điều 158; Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 95, điểm a khoản 3 Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng;

Điều 17, Điều 24, Điều 25 của Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng (Ban hành theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001) của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Điều 290; Điều 336; Điều 338; Điều 355; Điều 471, Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005.

Điều 26 Nghị quyết 326/2019/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006; Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012 của Chính phủ.

Xử:

[1]. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Buộc bà Nguyễn Thị P và ông Phùng Xuân C phải trả cho Quỹ tín dụng nhân dân xã BS số tiền nợ gốc 300.000.000 (Ba trăm triệu) đồng, nợ lãi từ ngày 02/6/2017 đến ngày 02/10/2018 là 65.395.000 (Sáu mươi lăm triệu, ba trăm chín mươi lăm ngàn) đồng và nợ lãi phát sinh từ nợ gốc sau ngày 02/10/2018 theo Hợp đồng tín dụng số 0176/HĐTD ngày 04/3/2016 ký kết giữa Quỹ tín dụng nhân dân xã BS và bà Nguyễn Thị P.

- Buộc bà Nguyễn Thị P và ông Phùng Xuân C giao tài sản thế chấp là quyền sử dụng thửa đất số 1002, tờ bản đồ số 17, diện tích 232,9m² tại xóm 14, xã Thịnh Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An ghi nhận tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền trên

đất số vào sổ cấp Giấy CH00314/CN, do UBND huyện Đô Lương cấp ngày 06/8/2013 mang tên Phùng Xuân C – Nguyễn Thị P cho Quỹ tín dụng nhân dân xã BS.

Quỹ tín dụng nhân dân xã BS có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự huyện Đô Lương xử lý bán tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

[2]. Về chi phí tố tụng: Ông Phùng Xuân C và bà Nguyễn Thị P có nghĩa vụ bồi hoàn số tiền 2.000.000 (Hai triệu) đồng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ cho Quỹ tín dụng nhân dân xã BS.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành bản án có hiệu lực pháp luật về thực hiện nghĩa vụ bồi hoàn, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

- Về án phí: Trả lại cho Quỹ tín dụng nhân dân xã BS số tiền 8.700.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí số 0004135 ngày 04/7/2018 do Chi cục thi hành án dân sự huyện Đô Lương phát hành.

Bà Nguyễn Thị P và ông Phùng Xuân C phải chịu 18.269.750 (Mười tám triệu, hai trăm sáu mươi chín ngàn, bảy trăm năm mươi) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bản này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Đô Lương;
- Chi cục THADS huyện Đô Lương;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lưu Thị Hồng Thê